

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1591/CT-CS

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2025

V/v giới thiệu nội dung mới tại
Thông tư số 31/2025/TT-BTC
và Thông tư số 32/2025/TT-
BTC

Kính gửi: Các Chi cục Thuế khu vực.

Ngày 31/5/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 31/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá và Thông tư số 32/2025/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP/2025 ngày 20 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025).

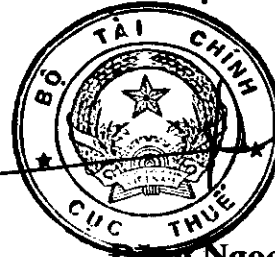
Cục Thuế giới thiệu một số nội dung mới của Thông tư số 31/2025/TT-BTC, Thông tư số 32/2025/TT-BTC. Đề nghị các Chi cục Thuế khu vực khẩn trương triển khai tuyên truyền, phổ biến nội dung của các Thông tư nêu trên tới công chức thuế và người nộp thuế và chuẩn bị các điều kiện để đảm bảo thi hành. (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Cục Thuế thông báo để các Chi cục Thuế khu vực chủ động triển khai, thực hiện./*AM*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Cục trưởng Mai Xuân Thành (để b/c);
- Các Phó Cục trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Các Ban/Chi cục Thuế thuộc CT (để thực hiện);
- Lưu: VT, CS (3).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đặng Ngọc Minh

Phụ lục
GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI
CỦA THÔNG TƯ SỐ 31/2025/TT-BTC VÀ THÔNG TƯ SỐ 32/2025/TT-BTC

(Kèm theo công văn số 1591/CT-CS ngày 05/6/2025 của Cục Thuế)

I. Thông tư số 31/2025/TT-BTC

Về nội dung quản lý tem điện tử thuốc lá, tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước, Thông tư số 31/2025/TT-BTC có một số nội dung mới cần lưu ý như sau:

1. Về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký, sử dụng tem điện tử của tổ chức, cá nhân

Quy định các mẫu 04/TEM, 07/TEM, Hệ thống thông tin giải quyết các thủ tục hành chính ngành thuế sẽ tự động trả Thông báo.

2. Về các trường hợp cơ quan thuế thông báo tem điện tử thuốc lá, tem điện tử rượu không còn giá trị sử dụng

Bổ sung quy định riêng đối với tem điện tử thuốc lá, tem điện tử rượu mất, cháy, hỏng không còn giá trị sử dụng do tổ chức, cá nhân phải thực hiện báo cáo, thông báo với cơ quan thuế trên Hệ thống thông tin giải quyết các thủ tục hành chính ngành thuế thuộc các trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều này, cơ quan thuế không phải thực hiện thông báo tem điện tử thuốc lá, tem điện tử rượu không còn giá trị sử dụng.

3. Về mua tem điện tử thuốc lá, tem điện tử rượu

Bổ các giấy tờ, tài liệu tổ chức, cá nhân phải cung cấp khi đến cơ quan thuế để mua, nhận tem điện tử thuốc lá, tem điện tử rượu.

4. Về các thông tin trên mã QR của tem điện tử thuốc lá, tem điện tử rượu

Bổ sung quy định khi tổ chức, cá nhân xuất tem cho bộ phận sản xuất thì tổ chức, cá nhân phải quét mã QR gắn trên thùng tem hoặc block tem hoặc con tem, đồng thời nhập các dữ liệu: tên hàng hóa, thời gian sản xuất, đơn vị đo lường (lít đối với rượu, điều đối với thuốc lá), đơn giá bán sản phẩm, để đảm bảo kết nối thông tin về dữ liệu tem điện tử được truyền về Hệ thống quản lý tem điện tử. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhập các dữ liệu: tên hàng hóa; thời gian sản xuất; đơn vị đo lường (lít đối với rượu, điều đối với thuốc lá), đơn giá bán sản phẩm, để đảm bảo kết nối thông tin về dữ liệu tem điện tử được truyền về Hệ thống quản lý tem điện tử theo quy định từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Khi người sử dụng sản phẩm thuốc lá, sản phẩm rượu hoặc các cơ quan có liên quan có nhu cầu tra cứu, xác thực các thông tin của tem điện tử thuốc lá, tem điện tử rượu trên mã QR đã dán lên sản phẩm thuốc lá, sản phẩm rượu thì việc truy cập và tra cứu được thực hiện trên Cổng thông tin điện tử ngành thuế. Các thông tin của tem điện tử thuốc lá, tem điện tử rượu trên mã QR đã dán lên sản phẩm thuốc lá, sản phẩm rượu bao gồm: tên loại tem, ký hiệu mẫu số, ký hiệu tem; tên, mã số thuế của đơn vị sản xuất sản phẩm thuốc lá, sản xuất rượu; tên cơ quan thuế bán tem điện tử, ngày bán tem điện tử; tên hàng hóa; thời gian sản xuất; đơn vị đo lường (lít đối với rượu, điều đối với thuốc lá); đơn giá bán sản phẩm.

5. Về xử lý tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu của các tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm thuốc lá, sản xuất rượu khi ngừng sản xuất, giải thể, phá sản; chia, tách, sáp nhập hoặc chuyển cơ quan thuế quản lý trực tiếp

Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá hoặc tổ chức, cá nhân sản xuất rượu khi ngừng sản xuất, giải thể, phá sản, hợp nhất thực hiện quyết toán và hủy số tem điện tử đã mua còn tồn trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân thông báo ngừng sản xuất hoặc ngày Quyết định giải thể, phá sản, hợp nhất và gửi thông báo kết quả hủy theo Mẫu số 04/TEM, Phụ lục 3 ban hành kèm Thông tư này về cơ quan thuế.

Tổ chức, cá nhân chia, tách, sáp nhập hoặc chuyển cơ quan thuế quản lý có nhu cầu tiếp tục sử dụng số tem còn tồn, sử dụng tài khoản giao dịch điện tử còn hiệu lực đã được cơ quan thuế cấp, truy cập Hệ thống thông tin giải quyết các thủ tục hành chính ngành thuế để đăng ký điều chỉnh số tem còn tồn tại tổ chức, cá nhân chia, tách, sáp nhập sang tên, mã số thuế của tổ chức, cá nhân sau chia, tách, sáp nhập theo Mẫu số 06/TEM, Phụ lục 3 ban hành kèm Thông tư này. Trường hợp không có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì thực hiện quyết toán và hủy số tem còn tồn như điểm trên.

6. Về xử lý trong trường hợp tem điện tử thuốc lá, tem điện tử rượu bị hỏng

Quy định trường hợp tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước bị hỏng (tem bị hỏng tại kho, hỏng trong quá trình sản xuất là tem còn trạng thái vật lý nhưng không còn nguyên như mẫu tem quy định tại Thông tư số 23/2021/TT-BTC: tem bị rách, bị mờ ký tự,... hoặc tem không còn trạng thái vật lý: vỡ vụn thành nhiều mảnh, không còn thể hiện được các dấu hiệu định danh của tem gồm số seri và mã QR): doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá hoặc tổ chức, cá nhân sản xuất rượu tiêu thụ trong nước, phải thực hiện hủy tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu bị hỏng không tiếp tục sử dụng (trừ trường hợp tem hỏng không còn trạng thái vật lý thì không phải thực hiện hủy tem). Trường hợp tem đã được dán lên sản phẩm, đã báo cáo sử

dùng nhưng sau đó tem bị hỏng trong quá trình lưu thông hoặc sản phẩm không dùng được nữa và được nhà sản xuất thực hiện hủy sản phẩm: doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá hoặc tổ chức, cá nhân sản xuất rượu tiêu thụ trong nước, thực hiện hủy tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu. Tổ chức, cá nhân sử dụng tài khoản giao dịch điện tử còn hiệu lực đã được cơ quan thuế cấp, truy cập Hệ thống thông tin giải quyết các thủ tục hành chính ngành thuế để lập thông báo kết quả hủy tem điện tử rượu trên Hệ thống thông tin giải quyết các thủ tục hành chính ngành thuế chậm nhất không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày huỷ tem hỏng theo Mẫu số 04/TEM, Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

Lưu ý: Số lượng tem điện tử đã được dán lên sản phẩm, đã báo cáo sử dụng sau đó bị hỏng trong quá trình lưu thông không thực hiện báo cáo vào cột hỏng tại Mẫu 07/TEM. Số tem hủy trong trường hợp tem đã dán lên sản phẩm, đã báo cáo sử dụng không thực hiện báo cáo vào cột hủy tại mẫu 07/TEM mà báo cáo chi tiết vào cột số tem đã báo cáo sử dụng thực hiện hủy tại Mẫu 04/TEM.

7. Về kinh phí in tem

Quy định giá bán tem được xác định theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp toàn bộ các chi phí, gồm chi phí in tem và nộp thuế theo quy định.

8. Thay thế, bãi bỏ mẫu biểu của Thông tư số 23/2021/TT-BTC

Thay thế Mẫu số 02/TEM, Mẫu số 04/TEM, Mẫu số 07/TEM ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BTC bằng Mẫu số 02/TEM, Mẫu số 04/TEM, Mẫu số 07/TEM ban hành kèm theo Thông tư này.

Bãi bỏ Mẫu số 03/TEM, Mẫu số 05/TEM ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BTC.

II. Thông tư số 32/2025/TT-BTC

Thông tư số 32/2025/TT-BTC gồm 12 Điều hướng dẫn một số nội dung về hóa đơn, chứng từ theo quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, hướng dẫn thi hành các khoản 3, khoản 6, khoản 7, khoản 11, khoản 18, khoản 37 và khoản 38 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và một số trường hợp theo yêu cầu quản lý bao gồm: tổ chức thực hiện biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ; ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử; ký hiệu mẫu số, ký hiệu hóa đơn, tên liên hóa đơn; áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác; nội dung hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế; chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử; tiêu chí xác định người nộp thuế rủi ro về thuế cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; sử dụng chứng từ; tiêu chí đối với tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử và dịch vụ nhận, truyền,

lưu trữ dữ liệu hóa đơn và các dịch vụ khác có liên quan và hiệu lực thi hành. Cụ thể như sau:

1. Tổ chức thực hiện biện pháp khuyến khích người tiêu dùng lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ (Điều 3)

- **Bổ sung** hướng dẫn Cục Thuế sử dụng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử để xây dựng, triển khai chương trình hóa đơn may mắn đối với những hóa đơn điện tử có người mua là người tiêu dùng (là cá nhân) và xây dựng phương án tổ chức, tần suất quay thưởng, giá trị giải thưởng chương trình hóa đơn may mắn trên cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét phê duyệt trước khi thực hiện.

2. Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử (Điều 4)

(i) Khoản 1 Điều 4 Thông tư cơ bản kế thừa nguyên tắc ủy nhiệm lập hóa đơn tại Thông tư số 78/2021/TT-BTC và **bổ sung** quy định: “*h) Hóa đơn điện tử do bên nhận ủy nhiệm lập phải phù hợp với phương pháp tính thuế của bên ủy nhiệm.*”

(ii) **Bổ sung** tại Hợp đồng ủy nhiệm hoặc thỏa thuận ủy nhiệm thông tin về bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm (tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân)

(iii) **Bổ sung** hướng dẫn trường hợp người bán hàng hóa, dịch vụ là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ủy nhiệm cho tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử lập hóa đơn điện tử cho hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ thì tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thực hiện thông báo với cơ quan thuế.

3. Ký hiệu mẫu số, ký hiệu hóa đơn, tên liên hóa đơn (Điều 5)

Bổ sung ký hiệu mẫu số hóa đơn điện tử số 7, số 8 và số 9 để phản ánh loại hóa đơn điện tử như sau:

- Số 7: Phản ánh hóa đơn thương mại điện tử;
- Số 8: Phản ánh hóa đơn điện tử giá trị gia tăng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí;
- Số 9: Phản ánh hóa đơn điện tử bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí.

Bổ sung 01 ký tự thể hiện loại hóa đơn điện tử được sử dụng như sau:

- Chữ X: Áp dụng đối với hóa đơn thương mại điện tử.

4. Áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác (Điều 6)

- Ngoài các trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng được quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, Thông tư **bổ sung** các trường hợp bán

hàng hóa, cung cấp dịch vụ khác bao gồm: *sản phẩm phái sinh theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thương mại được quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng, dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp, dịch vụ của sở giao dịch hàng hóa, dịch vụ thông tin tín dụng, dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (đối với khách hàng là các doanh nghiệp, tổ chức).*

- **Bổ sung** hướng dẫn việc lập hóa đơn đối với tổ chức cho thuê tài chính.

5. Nội dung hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế (Điều 7)

Bổ sung hướng dẫn các nội dung hóa đơn gồm 03 phần (trên cơ sở kế thừa hướng dẫn tại Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính).

6. Tiêu chí xác định người nộp thuế rủi ro về thuế cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 9)

- **Bổ sung** 05 tiêu chí xác định người nộp thuế rủi ro về thuế cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP như sau:

Tiêu chí 1: Người nộp thuế có chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân đồng thời là chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân có kết luận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có hành vi gian lận, mua bán hóa đơn trên cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế.

Tiêu chí 2: Người nộp thuế có chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân thuộc danh sách có giao dịch đáng ngờ theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền.

Tiêu chí 3: Người nộp thuế đăng ký địa chỉ trụ sở chính không có địa chỉ cụ thể theo địa giới hành chính hoặc đặt tại chung cư (không bao gồm chung cư được phép sử dụng cho mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật); hoặc địa điểm kinh doanh ngoài phạm vi cấp tỉnh/thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính/chi nhánh.

Tiêu chí 4: Người nộp thuế có người đại diện theo pháp luật hoặc chủ sở hữu đồng thời là người đại diện theo pháp luật hoặc chủ sở hữu của người nộp thuế ở trạng thái “Người nộp thuế ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt mã số thuế” hoặc ở trạng thái “Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”, người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tiêu chí 5: Người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro khác do cơ quan thuế xác định và có thông báo cho người nộp thuế được biết và giải trình.

- **Bổ sung** việc giao Cục Thuế quy định chỉ số tiêu chí nhằm đánh giá, xác định người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao trên cơ sở đánh giá người nộp thuế trong công tác quản lý thuế theo từng thời kỳ đối với tiêu chí xác định người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao theo mức độ rủi ro người nộp thuế theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

7. Sử dụng chứng từ (Điều 10)

Sửa đổi, bổ sung quy định rõ Chi cục Thuế khởi tạo biên lai thuế điện tử Mẫu CTT50 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này để sử dụng thu thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân.

8. Tiêu chí đối với tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử và dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn và các dịch vụ khác có liên quan (Điều 11)

Trước đây tại Thông tư số 78/2021/TT-BTC quy định việc cơ quan thuế lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để kết nối trực tiếp, nay thay đổi Cục Thuế đăng công khai danh sách các tổ chức đáp ứng đầy đủ các quy định nêu trên tại Công thông tin điện tử của Cục Thuế.

9. Hiệu lực thi hành (Điều 12)

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025 và thay thế Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

2. Kể từ thời điểm Nghị định số 70/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân phải ngừng sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử đã thực hiện theo các quy định trước đây và chuyển sang áp dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử theo quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử theo quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, nếu phát hiện chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đã lập theo các quy định trước đây bị sai thì lập chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử mới thay thế cho chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đã lập sai.

3. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử đã ký hợp đồng cung cấp nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn với Tổng cục Thuế (từ 01 tháng 3 năm 2025 là Cục Thuế) trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký.

4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng thuộc đối tượng quy định tại khoản 8

Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP sử dụng hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền từ thời điểm cơ quan thuế chấp nhận đăng ký sử dụng, bao gồm cả trường hợp đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền với cơ quan thuế trước ngày 01 tháng 6 năm 2025.

5. Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng thuộc đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử với cơ quan thuế nhưng chưa đảm bảo là hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc dữ liệu điện tử (bao gồm các thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế người bán; tên, địa chỉ, mã số thuế/số định danh cá nhân/số điện thoại của người mua (nếu người mua yêu cầu); tên hàng hóa, dịch vụ, đơn giá, số lượng, giá thanh toán (giá bán chưa thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán có thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ); thời điểm lập hóa đơn và theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP)) thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định.

6. Kể từ thời điểm doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) và quy định tại Thông tư này, nếu phát hiện hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính mà hóa đơn đã lập sai thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai và lập hóa đơn điện tử mới (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập sai. Hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập sai phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn đã lập sai (hóa đơn lập theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính) để gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã) hoặc người bán gửi cơ quan thuế để được cấp mã cho hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

7. Thông tư này gồm 04 Phụ lục: Phụ lục I áp dụng đối với hóa đơn, biên lai đặt in, tự in (Đối với Phụ lục I.A – Mã hóa đơn, biên lai của Chi cục Thuế phát hành: Trường hợp có thay đổi do sắp xếp lại địa giới hành chính cấp tỉnh dẫn đến thay đổi tên gọi, số lượng Chi cục Thuế thì Bộ Tài chính có văn bản thông báo về mã hóa đơn, biên lai do cơ quan thuế phát hành); Phụ lục II hướng dẫn mẫu ký hiệu trên chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử và mẫu ký

hiệu biên lai điện tử; Phụ lục III hướng dẫn mẫu hiển thị một số loại hóa đơn/ biên lai để các tổ chức, doanh nghiệp tham khảo trong quá trình thực hiện; Phụ lục IV hướng dẫn của cơ quan thuế về thông báo về việc tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử và thông báo về việc sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh. *MT*